

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN VAY CỦA NÔNG HỘ TẠI TỈNH KIÊN GIANG

TS. ĐẶNG THANH SƠN & ThS. BÙI MINH TIẾT*

Tín dụng nông thôn có vai trò rất quan trọng để phát triển ngành nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu trở thành ngành nông nghiệp sản xuất hàng hóa, bản thân tín dụng nông thôn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố. Bài viết này sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính để phân tích các nhân tố quy mô vốn vay, thời hạn, chi phí sử dụng vốn vay... ảnh hưởng như thế nào đến thu nhập của hộ nông dân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô vốn vay, thời hạn vay và chi phí sử dụng vốn vay ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của nông hộ; quyết định cho vay của các tổ chức tín dụng dựa vào diện tích đất, đất có bằng khoán hay không, chi tiêu, thu nhập cũng như tài sản của chủ hộ, đây là những yếu tố ảnh hưởng tích cực đến khả năng vay vốn cũng như lượng tiền vay được.

Kết quả nghiên cứu này là một trong những luận cứ khoa học cung cấp cho các nhà nghiên cứu và người quyết định trong việc lập chính sách phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang hiệu quả hơn. Đồng thời, cũng là cơ sở hỗ trợ cho các hộ nông dân trong quá trình sản xuất nông nghiệp sử dụng vốn vay hiệu quả hơn, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống và tự vươn lên thoát nghèo, tạo môi trường thuận lợi cho toàn tỉnh phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Tín dụng được xem là công cụ hữu hiệu phát triển nông nghiệp và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Nhu cầu vốn của người dân ngày càng đa dạng và cấp bách, thực tế nông dân đã gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, do vấn đề thiếu vốn đầu tư nên tín dụng trong nông thôn là rất cần thiết. Sự phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn VN giai đoạn hiện nay, cần phải quan tâm đến nhiều khía cạnh khác nhau như: đất đai, kỹ thuật, vốn, thị trường... trong đó, vốn là một trong những nhân tố hết sức quan trọng là tiền đề thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Vì vậy, việc nghiên cứu vai trò nguồn vốn cho người nông dân trong nông thôn, xác định tầm quan trọng và hiệu quả của vốn vay tín dụng trong các nông hộ có ý nghĩa vô cùng quan trọng và cấp thiết nhằm xác định vai trò của nông dân trong việc đầu tư sử dụng vốn vay tín dụng, tìm ra những giải pháp phù hợp, giúp cho việc sử

dụng thời gian lao động và vốn đầu tư có hiệu quả hơn nhằm nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông thôn.

2. Giả thuyết nghiên cứu

Những hộ vay vốn sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao hơn hộ không có nhu cầu vay (đủ điều kiện vay nhưng không vay).

Những hộ vay vốn sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao hơn hộ không vay được vốn (do không đủ điều kiện để ngân hàng cho vay).

3. Phương pháp chọn vùng và mẫu nghiên cứu

Để đảm bảo tính đại diện cho địa bàn nghiên cứu liên quan đến tín dụng và hoạt động sản xuất nông nghiệp, chọn vùng nghiên cứu (huyện, xã và ấp) theo các tiêu chí diện tích sản xuất và loại hình hoạt động sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Tổng số quan sát mẫu là 336, trên 4

*: Trường Cao đẳng Cộng đồng Kiên Giang

huyện làm đại diện cho nghiên cứu là huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Châu Thành và Giồng Riềng. Đây là những huyện có hoạt động sản xuất nông nghiệp khá mạnh và có nhu cầu tín dụng cao trong sản xuất của toàn tỉnh, số quan sát mẫu được phân bố theo tỷ lệ đồng đều giữa các loại hình sản xuất và diện tích đất. Quan sát mẫu được chọn theo phương pháp thuận tiện.

Phương pháp này thuận tiện trong việc thu thập số liệu là gặp bất cứ nông hộ nào cũng có thể chọn làm phân tử mẫu. Số liệu thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp nông hộ sản xuất nông nghiệp, đây là các huyện có diện tích đất dành cho hoạt động nông nghiệp khá lớn và cung cấp các mặt hàng nông nghiệp khá cao cho toàn tỉnh về các sản phẩm như lúa, hoa màu và chăn nuôi sẽ thể hiện được tính đại diện cho toàn địa bàn nghiên cứu.

4. Phương pháp thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp: Thông tin, số liệu được thu thập từ:

- Cơ quan thống kê.
- Các báo cáo của Ủy ban thành phố, các huyện nghiên cứu.
- Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh.
- Niên giám thống kê hàng năm của tỉnh.
- Các đề tài có liên quan, Phòng nông nghiệp...

Số liệu sơ cấp: Phỏng vấn trực tiếp 336 hộ quan sát bằng bảng câu hỏi cấu trúc sẵn.

5. Phương pháp phân tích số liệu

Sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính: nhằm đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập từ lượng vốn vay của nông hộ.

Cụ thể mô hình được sử dụng trong nghiên cứu này có dạng

$$Y = a + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_kX_k$$

Trong đó:

Y: Giá trị thu nhập của nông hộ (nghìn đồng)

Và các nhân tố được xem xét có khả năng tác động đến cung cầu vốn tín dụng đến hoạt động sản xuất

X₁: Lượng vốn vay (nghìn đồng)

X₂: Trình độ học vấn của chủ hộ (thể hiện số năm đi học)

X₃: Giới tính chủ hộ, đây là biến giả (Dummy) nhận giá trị 1 khi là chủ hộ nam và nhận giá trị 0 là hộ nữ

X₄: Diện tích canh tác của nông hộ (m²)

X₅: Tỷ trọng vốn vay dành cho sản xuất (%)

X₆: Hộ được hướng dẫn sử dụng vốn, là biến giả (Dummy) nếu được hướng dẫn nhận giá trị 1, nhận giá trị 0 khi không được hướng dẫn của các tổ chức khuyến nông, hợp tác xã hay các tổ chức có liên quan.

X₇: Số lao động gia đình trực tiếp tham gia sản xuất (người)

X₈: Kỳ hạn vay vốn (tháng)

X₉: Chi phí vay (nghìn đồng), bao gồm chi phí lãi vay trong năm, các khoản chi phí khác liên quan đến việc vay được vốn như: chi phí đi lại, xe

Bảng 1. Cơ cấu quan sát mẫu

Huyện	Tổng diện tích đất (km ²)	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	Tỷ lệ đất nông nghiệp (%)	Số quan sát mẫu	Quan sát mẫu (%)
Châu Thành	285,41	40.531	7,03	86	25,6
Hòn Đất	1.046,73	132.780	23,00	85	25,3
Giồng Riềng	639,24	92.987	16,20	89	26,5
Tân Hiệp	419,34	72.372	12,55	76	22,6

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2009 và thống kê từ số liệu điều tra 2010.

cộ, chi phí để có được những tài liệu vay vốn, kể cả lệ phí làm thủ tục ký quỹ.

X₁₀: Tuổi của chủ hộ.

6. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

6.1 Kiểm định giả thuyết

- Kiểm định giả thuyết hộ vay vốn sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao hơn hộ không có nhu cầu vay (đủ điều kiện vay nhưng không vay)

được vốn (do không đủ điều kiện để ngân hàng cho vay)

Với kết quả kiểm định t-test về thu nhập cho 2 hai nhóm hộ có vay và không vay được vốn (do không đủ điều kiện để ngân hàng cho vay), cho thấy rõ hơn là thu nhập của hộ có vay cao hơn hộ

Bảng 2. Bảng kết quả kiểm định T-Test giữa hộ có vay và hộ không có nhu cầu vay (đủ điều kiện vay nhưng không vay)

	Kiểm định sự bằng nhau về phương sai			Kiểm định t-test về trung bình hai tổng thể			
		F	Sig.	T	df	Sig. (2-tailed)	Khác biệt trung bình
Phương sai bằng nhau	tn	7,62	0,006	-2,55	265	0,110	-56.785,34
Phương sai không bằng nhau	tn			-3,52	258	0,000	-56.785,34

Nguồn: Thống kê từ số liệu điều tra 2010

Dựa vào kết quả kiểm định Levene kiểm định tính đồng nhất của hai phương sai ta sẽ xem kết quả kiểm định t.

Nếu giá trị Sig. trong kiểm định Levene nhỏ hơn 0,05 thì phương sai giữa hai đối tượng khác nhau, ta sẽ sử dụng kết quả kiểm định t ở phần phương sai không bằng nhau.

Nếu giá trị Sig. trong kiểm định Levene lớn hơn hay bằng 0,05 thì phương sai của hai đối tượng nghiên cứu bằng nhau, ta sử dụng kết quả kiểm định ở phần phương sai bằng nhau.

Với kết quả kiểm định t, các giá trị Sig. trong kiểm định đều nhỏ hơn 0,05 nên ta có thể kết luận rằng có sự khác biệt có ý nghĩa về thu nhập giữa hai nhóm hộ có vay và hộ không có nhu cầu vay (đủ điều kiện vay nhưng không vay).

- Kiểm định giả thuyết hộ vay vốn sản xuất nông nghiệp có thu nhập cao hơn hộ không vay

được vốn. Điều này cho thấy, có tác động tích cực của đồng vốn vay lên thu nhập của nông hộ.

6.2 Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ

Trong mô hình hồi quy tương quan với hệ số xác định $R = 0,8122$ nghĩa là giữa thu nhập của nông hộ với các yếu tố độc lập có mối quan hệ chặt chẽ (81,22%). Điều này cho thấy kết quả trong mô hình hồi quy đã phù hợp với giả thuyết mong đợi giữa biến phụ thuộc với các yếu tố giải thích. Trong đó biến lượng vốn vay, diện tích đất, tỷ trọng vốn sản xuất, hướng dẫn sử dụng vốn, số lao động của chủ hộ, kỳ hạn vay, chi phí vay có ý nghĩa thống kê tương ứng ở các mức 1%, 5% và 10%.

Một trong những biến có ý nghĩa đầu tiên trong kết quả mô hình hồi quy trên là tổng lượng

Bảng 3. Bảng kết quả kiểm định T-Test giữa hộ có vay và hộ không vay được vốn (do không đủ điều kiện để ngân hàng cho vay)

	Kiểm định sự bằng nhau về phương sai			Kiểm định t-test về trung bình hai tổng thể			
		F	Sig.	t	Df	Sig. (2-tailed)	Khác biệt trung bình
Phương sai bằng nhau	tn	14,8	0,000	-4,52	254	0,000	-106.244,75
Phương sai không bằng nhau	tn			-7,18	215	0,000	-106.244,75

Nguồn: Thống kê từ số liệu điều tra

vốn vay, có ý nghĩa ở mức 1%, có tương quan thuận với thu nhập của hộ dân khi vay vốn. Điều này khẳng định rằng, lượng vốn vay đến được với người dân là một hiệu quả, và lượng vốn vay càng lớn thì phần thu được của người dân càng tăng.

Diện tích đất canh tác của chủ hộ, có tác động tích cực đến thu nhập của nông hộ trong nội bộ ngành nông nghiệp. Nông hộ có diện tích lớn thường có xu hướng tập trung phục vụ các hoạt động nông nghiệp như trồng trọt, chăn nuôi... Với mức ý nghĩa 0,000 cho thấy ở mức tin cậy 99%, nếu các diện tích của nông hộ càng tăng lên thì khả năng tạo thêm thu nhập của nông hộ càng tăng.

Tỷ lệ vốn vay dùng cho sản xuất cũng có ý nghĩa thống kê ở mức 1% trong mô hình hồi quy. Điều này có nghĩa là nếu hộ sử dụng vốn vay đúng mục đích sản xuất càng lớn khi đó hiệu quả đem lại càng cao.

Biến tư vấn hướng dẫn sử dụng vốn cũng có ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập của nông hộ, giá trị $p = 0,000$, độ tin cậy đến 99%. Với kết quả phân tích thì các hộ có được sự hướng dẫn, hỗ trợ của các tổ chức tín dụng sẽ tăng thêm được nguồn thu nhập.

Biến số lượng lao động trong gia đình chủ hộ có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Nếu số lượng lao động trong gia đình tăng thêm một người trong độ tuổi lao động sẽ làm cho thu nhập chủ hộ tăng lên, cụ thể nếu cứ đầu tư thêm 1 đồng cho yếu tố lao động trong gia đình khi các yếu tố khác không thay đổi thì số tiền của chủ hộ tăng lên 0,58 đồng vì hộ gia đình nào có thêm người làm thì khỏi phải thuê mướn công lao động đây cũng là nhân tố làm tăng thêm thu nhập.

Nhân tố kỳ hạn vay có ý nghĩa về mặt thống kê và cũng tác động tích cực đến mô hình, ở mức ý nghĩa 1%. Điều này cho thấy kỳ hạn vay vốn càng dài, hộ dân có thời gian sử dụng đồng vốn lâu hơn sẽ càng có hiệu quả, do kỳ hạn vốn vay càng dài đồng vốn được sử dụng một cách linh hoạt và hiệu quả.

Biến chi phí vay có ý nghĩa thống kê trong mô hình hồi quy với mức ý nghĩa 1%, biến này ảnh hưởng nghịch đến thu nhập của nông hộ. Trong quá trình vay vốn người dân đương nhiên phải

chịu các khoản chi phí bao gồm chi phí: lãi suất vay, xe cộ, đi lại, làm thủ tục vay, nói chung các khoản chi phí phải trả này có tác động sẽ làm cho thu nhập của hộ dân giảm xuống.

Bảng 4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn

Biến độc lập	Ký hiệu	Hệ số góc	Giá trị P
Lượng vốn vay	Lgvay	6794,6530	0,000
Trình độ học vấn	Tdhv	1070,5410	0,266
Giới tính	Gtinh	172,8327	0,298
Diện tích	Dtich	6,7757	0,000
Tỷ trọng vốn dùng cho sản xuất	Ttvonsx	0,8472	0,000
Hướng dẫn sử dụng vốn	Hdands	2,1445	0,000
Số lao động	Sold	0,5801	0,009
Kỳ hạn	Kyhan	0,4649	0,000
Chi phí vay	Cpvay	-1,1800	0,004
Tuổi	Tuoi	-0,2729	0,487
Số quan sát		187	
Giá trị P của toàn bộ mô hình			0,0000
Hệ số xác định			0,8122
Hệ số xác định đã điều chỉnh			0,8015

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra từ phần mềm Stata

Từ kết quả trên, ta có thể viết lại phương trình hồi quy mới với các biến số ảnh hưởng tích cực đến thu nhập của nông hộ như sau:

$$Y = 5.336,407 + 6.794,653X_1 + 6,775723X_4 + 0,8472142X_5 + 2,144525X_6 + 0,5801638X_7 + 0,4649468X_8 - 1,180067X_9$$

Như vậy, thu nhập của hộ chịu ảnh hưởng vào rất nhiều yếu tố như lượng vốn vay, diện tích đất của chủ hộ, tỷ trọng vốn vay dành cho sản xuất, biến được hướng dẫn sử dụng vốn vay, số lao động trong gia đình chủ hộ, kỳ hạn vay vốn và chi phí vay.

7. Giải pháp

7.1 Giải pháp về hiệu quả sử dụng vốn

- Tăng hạn mức cho vay.
- Vấn đề thế chấp tài sản: Để bảo tồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, phải đơn giản thủ tục

xin vay, xét vay nhanh chóng để người vay chủ động được vốn, phục vụ kịp thời cho mục đích sử dụng vốn của nông hộ.

- Vấn đề thị trường: Giữ ổn định giá nông sản, khi giá nông sản được giữ ổn định ở mức tương đối cao thì kế hoạch làm ăn của nông dân ổn định hơn.

- Các tổ chức cho vay càng quan tâm đến khâu kỹ thuật cho nông dân thì chi phí hoạt động của họ sẽ rất cao.

- Nền thực hiện công tác kiểm tra quá trình sử dụng vốn của người vay.

7.2 Giải pháp về cung cầu vốn

- Thành lập các hội, đoàn thể địa phương để được vay tín chấp.

- Thực hiện quy trình cho vay khép kín. Điều kiện thực hiện quy trình này đòi hỏi phải có doanh nghiệp, nông dân và ngân hàng ký hợp đồng với các nội dung sau:

+ Doanh nghiệp cam kết cung cấp vật tư nông nghiệp cho nông dân và bao tiêu sản phẩm với giá sàn.

+ Nông dân cam kết mua vật tư nông nghiệp của doanh nghiệp và bán sản phẩm cho doanh nghiệp theo giá thị trường, tối thiểu theo giá sàn.

+ Ngân hàng đảm bảo cung cấp vốn cho doanh nghiệp và nông dân.

7.3 Giải pháp về cách thức tăng nguồn vốn tín dụng đến nông thôn

- Phát triển hình thức nhóm tiết kiệm: Cần nuôi dưỡng và phát triển các hình thức tổ, nhóm hoặc hội tự tiết kiệm và tự trợ vốn trong cộng đồng, thông qua các tổ chức đoàn thể như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội thanh niên, Hội cựu chiến binh...

- Tăng phạm vi phục vụ, và những dịch vụ phụ trợ.

- Đa dạng hóa các loại hình tín dụng cho nông dân ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang (2009), *Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2009*.
2. Đỗ Tất Ngọc (2006), *Tín dụng Ngân hàng đối với kinh tế hộ ở VN*, NXB Lao động.
3. Lê Khương Ninh (2007), *Giáo trình tài chính-tín dụng nông thôn*, trường Đại học Cần Thơ.
4. Le Nhat Hanh (2002), *An Analysis of Access to Formal Credit by Household farms: The case of Vietnam*, Master of Arts in Economics of Development, Vietnam-Netherlands Projects, HCMC.
5. Mai Văn Nam (2006), *Giáo trình kinh tế lượng*, NXB Thống kê, TP.HCM.
6. Pham Bao Duong & Izumida (2002), "Rural Development Finance in Vietnam: A Microeconometric Analysis of Household Surveys", *World Development* 30(2), pp. 319-335.
7. Phước Minh Hiệp & nhóm nghiên cứu (2005), *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tín dụng và xác định nhu cầu vốn của nông hộ trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn tỉnh Trà Vinh*, Trường Đại học Cần Thơ.
8. Tran Tho Dat (1998), *Borrower Transactions Costs and Credit Rationing: A Study of the Rural Credit Market in Vietnam*, Paper Prepared for the Conference Vietnam and the Region, Asia Pacific Experience and Vietnam's Economic Policy Directions, Hanoi.
9. Vu Thi Thanh Ha (2001), *Determinants of Rural Households' Borrowing from the Formal Financial Sector: A Study of the Rural Credit Market in Red River Delta Region*, Master of Arts in Economics of Development, Vietnam-Netherlands Project, Hanoi.
10. Vuong Quoc Duy (2007), *The Impact of Credit for the Poor on the Poverty Level of Rural Households in the Mekong Delta-Vietnam*, Master thesis, The University of Groningen.
11. Website: *Phát triển một số hệ thống tín dụng nông thôn ở VN: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*: <http://db.vista.gov.vn/login.aspx>, truy cập ngày 8/12/2009; *Vai trò của tín dụng đối với sự phát triển kinh tế nông thôn*: <http://db.vista.gov.vn/login.aspx>, truy cập ngày 15/12/2009

